

Bản án số: 155/2020/DS-PT

Ngày: 16-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng vay tiền.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 230/8 đường B, khóm 3, phường 5, thành phố C

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Ông Huỳnh Tấn A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019. Ông A có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1981 (có mặt)

2. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 95/8A đường Ph, khóm 1, phường 4, thành phố C

- Người kháng cáo: Bà Huỳnh Ngọc Th là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, ông Huỳnh Tấn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Từ ngày 28/3/2016 âm lịch đến ngày 10/9/2016 âm lịch (tức từ ngày 04/5/2016 dương lịch đến ngày 10/10/2016 dương lịch) bà Th có cho vợ chồng bà Nguyễn Ngọc L và ông Trần Văn Q vay nhiều lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 28/3/2016 âm lịch (nhằm ngày 04/5/2016 dương lịch) vay 50.000.000 đồng.

Ngày 04/4/2016 âm lịch vay 35.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2016 âm lịch vay 55.000.000 đồng.

Ngày 21/4/2016 âm lịch vay 20.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2016 âm lịch vay 40.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2016 âm lịch vay 20.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2016 âm lịch vay 30.000.000 đồng.

Ngày 21/7/2016 âm lịch vay 30.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 16/9/2016 dương lịch) vay 20.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2016 âm lịch (nhằm ngày 10/10/2016 dương lịch) vay 50.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay từ ngày 04/5/2016 dương lịch đến 16/9/2016 dương lịch tổng cộng là 300.000.000 đồng, các đương sự có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, không xác định thời gian thanh toán nợ. Riêng đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 10/10/2016 dương lịch thỏa thuận trả góp, mỗi ngày bà L góp 500.000 đồng, góp trong vòng 120 ngày thì dứt nợ.

Như vậy, tổng số tiền ông Q, bà L đã vay của bà Th là 350.000.000 đồng. Trong quá trình vay, ông Q, bà L đã Th toán số tiền nợ lãi 195.000.000 đồng. Nay bà Th yêu cầu ông Q, bà L phải thanh toán số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Do cần tiền để trả nợ riêng nên bà L có vay tiền của bà Th tổng số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất và thời gian vay đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình vay, bà đã trả cho bà Th số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng có biên nhận và nợ lãi khoảng 64.000.000 đồng không biên nhận. Do bà đã trả số tiền nợ gốc cho bà Th 150.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà Th số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng. Việc bà vay tiền của bà Th, chồng bà L là ông Q không biết nên bà xác định đây là nợ riêng của bà.

** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:*

Ông Q và bà L có mâu thuẫn vợ chồng từ vài năm nay trở lại đây, hai người không còn quan tâm đến cuộc sống sinh hoạt của nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của mình. Ông Q là người lo cuộc sống hàng ngày của gia đình và thanh toán các khoản chi phí khác, kể cả chi phí học hành của con. Bà L không có đóng góp vật chất nào cho gia đình từ nhiều năm nay.

Việc bà Th cho bà L vay tiền ông hoàn toàn không biết cho đến năm 2017, bà Th có nhiều lần đến nhà ông để tìm bà L thì ông mới được biết là bà L có vay tiền của bà Th. Sau khi biết được sự việc thì trong năm 2018 ông có chuyển trả dùm số tiền nợ của bà L cho bà Th 50.000.000 đồng. Nay ông xác định không có vay tiền của bà Th và quá trình vay nợ bà L, bà Th không báo cho ông biết và bà L đã vay tiền chỉ sử dụng vào mục đích cá nhân. Vì vậy, ông không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán khoản vay theo yêu cầu của bà Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật

Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Th, buộc bà Nguyễn Ngọc L thanh toán cho bà Th số tiền nợ vay là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc ông Trần Văn Q có trách nhiệm liên đới với bà L thanh toán nợ cho bà Th. Bà L phải nộp 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chưa nộp). Trả lại cho bà Th khoản tiền nộp tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo biên lai số 0001105 ngày 09/12/2019 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, bà Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu bà L và ông Q cùng có nghĩa vụ Th toán cho bà Th số tiền 350.000.000 đồng. Căn cứ của việc kháng cáo: Thời điểm vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Q; ông Q đứng ra trả cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng nên ông Q biết rõ bà L vay tiền của bà Th; bà L cho rằng vay tiền để trả nợ riêng nhưng không chứng minh được là trả nợ cho ai và trả bao nhiêu tiền; bà L cho rằng vay tiền để trả nợ do việc kinh doanh thua lỗ, kinh doanh là để phát triển kinh tế gia đình và vay tiền trả nợ cũng là giải quyết khó khăn kinh tế gia đình, nên bà L vay tiền là đáp ứng yêu cầu chung của gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện cho bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bà L trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Th.
- Ông Q trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Th.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn xác định số tiền cho vay 350 triệu đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Q là phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, các đương sự cũng thừa nhận, bà L làm công việc tự do, còn ông Q (chồng bà L) công tác tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Cà Mau (phụ trách phòng giao dịch) có thu nhập ổn định. Các lần bà Th giao tiền đều là số tiền lớn, nên không thể xác định việc bà L sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình được. Mặt khác, phía bà Th không có chứng cứ chứng minh việc ông Q và bà L có kinh doanh chung. Các biên nhận nợ thể hiện chỉ có bà L là người trực tiếp ký, ông Q không có ký vào các biên nhận này (bút lục 44, 46). Ngoài ra, bà Th cũng không có chứng cứ để chứng minh việc ông Q trả nợ thay bà L số tiền 50.000.000 đồng là do bà L chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông Q đối với bà Th theo Điều 370

của Bộ luật Dân sự. Do khoản vay nói trên không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh trách nhiệm liên đới thanh toán nợ của ông Q đối với bà Th. Vì vậy, cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Th là có căn cứ. Ngày 15/7/2020 cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Th có yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ tại Agribank chi nhánh thành phố Cà Mau là không cần thiết.

[2] Với các chứng cứ đã nêu ở mục [1], trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Th.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc Th; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Th. Buộc bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th số tiền nợ vay là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc ông Trần Văn Q có trách nhiệm liên đới với bà L thanh toán nợ cho bà Th.

5. Bà L phải chịu 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

6. Trả lại cho bà Th khoản tiền nộp tạm ứng phí dân sự sơ thẩm 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001105 ngày 09 tháng 12 năm 2019 do Chi cục Thi hành dân sự thành phố Cà Mau phát hành.

7. Bà Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Th nộp tạm ứng phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001810 ngày 14 tháng 5 năm 2020 do Chi cục Thi hành dân sự thành phố Cà Mau phát hành được khấu trừ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cà Mau;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế